TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02**/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 585/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Nguyễn Đỗ Anh T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp E, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T, anh L đều thừa nhận: anh chị tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung và chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng 01 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 14/10/2021. Khi ly hôn, anh chị yêu cầu Tòa án công nhận giao cháu Linh Đ cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về lệ phí: chị T, anh L phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Đỗ Anh T và anh Nguyễn Vũ L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 14/10/2021 cho chị Nguyễn Đỗ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Linh Đ với mức 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng/tháng cho đến khi cháu Linh Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh L, chị T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Đỗ Anh T và anh Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị T, anh L đã nộp theo biên lai số 0011812 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T và anh L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Mỹ (30/2021)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Trung